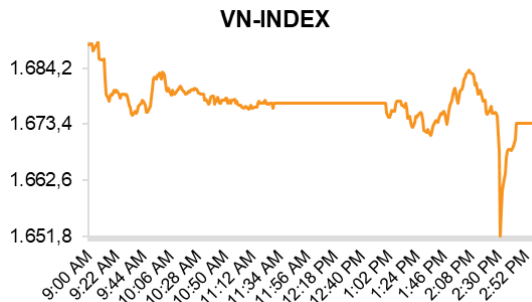


KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

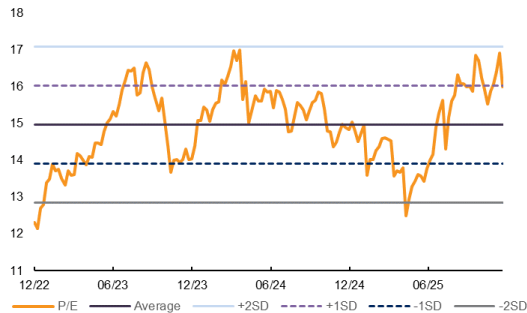
📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.673,7	253,1	118,8
1 ngày (%)	-0,3	-0,8	0,4
1 tháng (%)	1,2	-5,8	-1,6
Từ 2025	32,1	11,3	24,9
1 Năm (%)	32,6	11,6	28,0
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	7.482	403	870
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	0,7	1,5	0,5
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

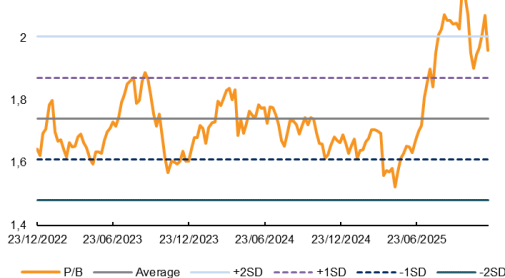
Nguồn: Bloomberg



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

Đà hồi phục suy yếu, thị trường tìm điểm cân bằng trong ngắn hạn

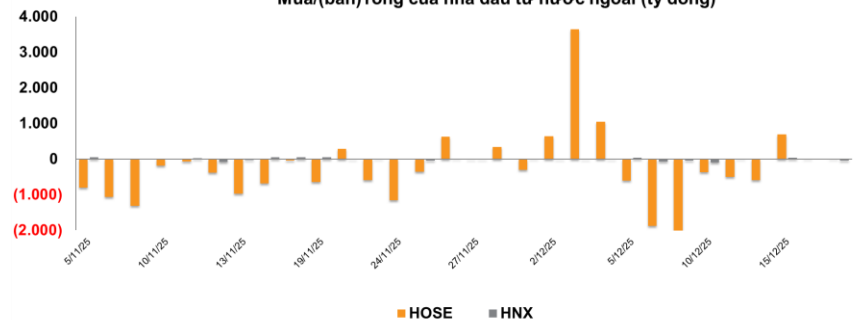
Phiên giao dịch ngày 17/12 ghi nhận trạng thái phân hóa với áp lực điều chỉnh quay trở lại đặc biệt trong phiên ATC. Kết thúc phiên, chỉ số VN-Index đóng cửa tại mức 1.673,68 điểm, giảm 5,52 điểm (-0,33%). Áp lực bán gia tăng cuối phiên nhưng lực mua vẫn xuất hiện hỗ trợ chỉ số cho thấy lực cầu vẫn hiện hữu để hấp thụ cung giá thấp nhưng tâm lý chung còn khá thận trọng. Độ rộng thị trường vẫn nghiêng về bên bán với 114 cổ phiếu tăng và 208 cổ phiếu giảm.

Nhóm VN30 ghi nhận mức giảm -11,92 điểm (-0,62%), đóng cửa tại ngưỡng 1.897,95 điểm. Độ rộng của nhóm VN30 nghiêng về bên bán khi ghi nhận 6 cổ phiếu tăng và 21 cổ phiếu giảm điểm. Dòng tiền vào nhóm VN30 chưa thực sự đồng thuận, đặc biệt khi cổ phiếu DGC tiếp tục đóng cửa ở ngưỡng giá sàn khiến tâm lý giao dịch phần nào chịu tác động tiêu cực. Xét về dòng tiền, sự luân chuyển nhanh giữa các ngành với điểm sáng trong phiên giao dịch ngày hôm nay thuộc về các nhóm Hàng hóa và Dịch vụ công nghiệp (+1,15%), Công nghệ (+1,01%) và Viễn thông (+0,83%). Ở chiều ngược lại, áp lực bán mạnh tập trung ở nhóm Dịch vụ tiện ích (-1,78%) và Thực phẩm & Đồ uống (-1,31%).

Thanh khoản trên sàn HoSE đạt ngưỡng 14.393 tỷ đồng, thấp hơn 33,7% so với phiên trước đó và thấp hơn so với ngưỡng trung bình 20 phiên gần nhất. Điều này cho thấy dòng tiền sau phiên giao dịch tích cực đã quay trở lại tâm thế thận trọng. Đáng chú ý, phiên giao dịch ngày mai - phiên đảo hạn hợp đồng phái sinh, có thể là một phiên biến động và tiềm ẩn cả cơ hội cũng như rủi ro. Trong bối cảnh thị trường đang nỗ lực tạo đáy ngắn hạn nhưng độ rộng chưa lan tỏa và thanh khoản thiếu sự bùng nổ, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư duy trì chiến lược giao dịch linh hoạt và thận trọng: 1) Cân nhắc hạ tỷ trọng hoặc chốt lời từng phần đối với các cổ phiếu đã hồi phục về vùng kháng cự. Ưu tiên giữ vị thế ở các cổ phiếu có nền tảng tích lũy tốt, triển vọng tăng trưởng ổn định và thanh khoản cao. 2) Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao, có thể bắt đầu giải ngân thăm dò với tỷ trọng nhỏ, ưu tiên lựa chọn các cổ phiếu có sức mạnh giá tốt hơn thị trường chung và thu hút dòng tiền.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	5,0	172,7	4,0	1,7	8,6	19,2	20,3	-21,0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5,9	26,4	2,9	-1,3	-0,9	8,8	7,8	-32,8
Năng lượng	2,0	26,7	1,4	0,2	-3,8	-4,0	-5,8	130,4
Tài chính	38,6	10,9	1,7	-0,5	-2,7	22,3	24,3	-28,2
Chăm sóc sức khỏe	0,5	22,1	2,7	0,0	0,3	1,6	0,8	44,1
Công nghiệp	8,5	45,6	4,8	-0,1	-3,7	84,4	95,0	18,6
Công nghệ thông tin	2,4	18,1	4,3	1,0	-4,9	-25,6	-23,9	-22,2
Vật liệu xây dựng	6,0	14,9	1,6	-1,2	-6,1	4,5	3,7	-13,2
Bất động sản	25,4	83,8	5,2	-0,3	16,5	386,7	385,4	-40,1
Dịch vụ tiện ích	3,8	14,8	2,0	-1,4	-1,2	-0,4	0,1	-30,3

Mua/(bán) ròng của nhà đầu tư nước ngoài (tỷ đồng)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Thế giới:** Dữ liệu sơ bộ của S&P Global cho thấy chỉ số PMI sản xuất của Mỹ giảm xuống 51.8, mức thấp nhất trong 5 tháng, cùng với PMI tổng hợp giảm về 53.0, cho thấy hoạt động kinh doanh toàn cầu tiếp tục ghi nhận tốc độ tăng trưởng chậm hơn dự báo trong tháng 12.
- **Mỹ:** Số liệu việc làm tháng 11 cho thấy tăng thêm 64,000 việc làm—vượt dự báo; tỷ lệ thất nghiệp tăng lên 4.6%—mức cao nhất kể từ 2021, phản ánh thị trường lao động đang yếu đi sau khi bị hoãn do chính phủ đóng cửa hơn 40 ngày.
- **EU:** Chỉ số PMI tổng hợp sơ bộ tháng 12 của khu vực Eurozone theo S&P Global là 51.9, thấp hơn dự báo và thấp hơn mức trước đó, cho thấy động lực tăng trưởng trong khu vực đang mất dần đà vào cuối năm.
- **Trung Quốc:** Theo dữ liệu từ đầu tháng, tăng trưởng GDP chậm lại với Q3/25 tăng 4,8% svck—mức thấp nhất một năm, cho thấy nhu cầu nội địa yếu kéo dài. Sản lượng công nghiệp T11/25 tăng 4,8% svck—mức thấp kể từ T8/24. Bán lẻ tăng 1,3%, thấp nhất kể từ cuối 2022. Đầu tư tài sản cố định giảm 2,6% svck từ đầu năm, vượt dự báo và là dấu hiệu đầu tư trong nước đang thu hẹp. Xuất khẩu giảm trong T10/25, là mức giảm lớn nhất kể từ tháng 2. PMI sản xuất vẫn duy trì dưới ngưỡng 50 trong nhiều tháng liên tiếp, phản ánh hoạt động nhà máy suy yếu do nhu cầu yếu và căng thẳng thương mại.

Tin vĩ mô trong nước

- Từ ngày 01/01/2026, gần 5 triệu hộ kinh doanh tại Việt Nam sẽ chấm dứt hình thức nộp thuế khoán và chuyển sang kê khai thuế theo doanh thu thực tế: Yêu cầu hộ kinh doanh và cá nhân tự xác định doanh thu và tính thuế GTGT, TNCN phù hợp, thay vì mức thuế cố định trước đây.
- Tại Diễn đàn Kinh tế Việt Nam 2025 – Triển vọng 2026 diễn ra ngày 16/12 tại Hà Nội, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) được đề xuất theo hướng chuyển thành Quỹ đầu tư của Chính phủ, nhằm tập trung nguồn vốn vào các ngành chiến lược và giảm sự phụ thuộc của nền kinh tế vào tín dụng ngân hàng.

Tin ngành và doanh nghiệp

- **KDC – KIDO hoàn tất thoái vốn mảng kem, thu về 2.500 tỷ đồng từ Nutifood:** Tập đoàn KIDO (KDC) đã chính thức thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 36,3 triệu cổ phần còn lại (tương đương 49% vốn điều lệ) tại CTCP Thực phẩm Đông lạnh KIDO (KIDO Foods – KDF) cho Nutifood, với tổng giá trị giao dịch dự kiến 2.500 tỷ đồng.
- **NVL – Novaland phát hành 163,6 triệu cổ phiếu để hoán đổi nợ, tái cấu trúc tài chính:** CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland, mã NVL) vừa công bố phương án sửa đổi phát hành cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ liên quan đến nhóm cổ đông lớn gắn với Chủ tịch HĐQT Bùi Thành Nhơn. Theo đó, NVL dự kiến phát hành 163,6 triệu cổ phiếu để hoán đổi khoản nợ hơn 2.577 tỷ đồng, với giá phát hành 15.746,667 đồng/cổ phiếu.
- **VCI – Vietcap tăng mạnh quy mô vốn, đẩy mạnh margin và tự doanh:** CTCP Chứng khoán Vietcap (VCI) đã hoàn tất đợt phát hành riêng lẻ, bán thành công hơn 124,3 triệu cổ phiếu trên tổng số 127,5 triệu cổ phiếu chào bán, qua đó huy động gần 3.923 tỷ đồng (khoảng 149 triệu USD). Sau phát hành, vốn điều lệ của Vietcap tăng lên 8.501 tỷ đồng, củng cố đáng kể năng lực tài chính trong bối cảnh thị trường chứng khoán sôi động trở lại.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Lãi suất liên ngân hàng ngày 17/12 giảm xuống 4,5% cho thấy áp lực thanh khoản hệ thống đã hạ nhiệt đáng kể.
- NHNN chuyển sang hút ròng nhẹ ngày 17/12 sau 2 tuần hút ròng liên tiếp.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,22	-0,2	1,2	40,6	50,7
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	4,45	-16,8	-1,1	15,6	41,3
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	6,95	2,1	41,5	40,4	54,4
USD/VND	26.340	0,0	0,0	-3,2	-3,5
DXY	98,54	0,4	-1,1	-9,2	-7,9
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,17	0,6	0,7	-8,8	-5,2
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,55	0,5	-1,8	-17,0	-16,1

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	4.325,00	0,5	6,1	63,8	63,6
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	56,61	2,4	-5,5	-21,1	-19,2
Dầu Brent (USD/b) 1 thán	60,27	2,3	-6,1	-19,3	-17,7
Thép (USD/tấn)	458,1	0,1	1,6	-8,9	-9,6
Thịt heo (USD/kg)	1,6	0,4	-0,2	-25,9	-26,4
Gạo (USD/tấn)	431,1	0,1	-9,0	-32,2	-36,5
Phân urea (USD/tấn)	340,0	-5,6	-8,7	7,1	10,6

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
<u>Thứ Hai</u> 15/12/2025	Trung Quốc	Các số liệu vĩ mô tháng 11.2025
<u>Thứ Ba</u> 16/12/2025	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 11.2025 Doanh số bán lẻ tháng 10.2025
	Việt Nam	<u>Đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 12.2025</u>
<u>Thứ Năm</u> 18/12/2025	EU	<u>Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 12.2025 của Ngân hàng TW Châu Âu</u>
	Mỹ	<u>Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11.2025</u>
<u>Thứ Sáu</u> 19/12/2025	Mỹ	<u>Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân tháng 10.2025</u>
<u>Thứ Bảy</u> 20/12/2025	Trung Quốc	<u>Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 12.2025 của Ngân hàng TW Trung Quốc</u>

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.154	1,8	3.329	52.600	73.300	40,4%	1,0%	17,7	2,8	17%
AST	131	0,0	5	76.900	85.400	14,3%	3,3%	15,2	5,4	38%
HVN	3.119	1,5	657	26.400	43.400	66,8%	2,4%	8,8	14,7	
VJC	3.806	15,3	866	185.100	113.600	-38,1%	0,5%	63,7	4,5	8%
Bán lẻ										
BAF	416	2,7	196	36.050	37.200	3,2%		19,6	2,6	13%
DGW	335	2,7	87	39.950	49.600	25,4%	1,3%	16,5	2,7	17%
FRT	925	3,2	156	143.000	150.300	5,3%	0,2%	39,5	7,9	25%
MCH	8.525	3,2	2.984	212.500	147.000	-29,6%	1,2%	32,1	14,1	44%
MWG	4.597	21,2	112	81.900	96.300	18,8%	1,2%	20,7	3,9	20%
PNJ	1.197	2,1	1	92.400	109.900	20,5%	1,5%	13,9	2,6	21%
QNS	625	0,2	255	44.800	53.400	21,4%	2,2%	7,3	1,4	20%
SAB	2.439	2,1	1.009	50.100	59.900	23,6%	4,0%	15,2	2,8	18%
VHC	464	2,7	373	54.400	71.300	34,7%	3,7%	7,8	1,2	17%
VNM	4.991	11,1	2.466	62.900	74.800	23,4%	4,5%	16,9	3,9	24%
Tài chính										
ACB	4.680	10,9	63	24.000	31.300	34,0%	3,6%	7,1	1,3	20%
BID	10.130	4,4	1.306	38.000	47.200	25,4%	1,2%	10,1	1,6	18%
CTG	10.232	16,4	445	34.700	49.000	42,1%	0,9%	8,1	1,6	22%
HDB	4.703	19,9	162	32.100	34.900	11,3%	2,6%	7,7	1,7	25%
LPB	4.990	4,4	203	44.000	33.400	-18,4%	5,7%	12,7	3,0	25%
MBB	7.462	25,5	160	24.400	32.900	36,9%	2,0%	8,1	1,5	21%
STB	3.378	16,1	534	47.200	45.700	-1,9%	1,3%	7,2	1,4	22%
TCB	8.770	19,4	2	32.600	40.300	26,7%	3,1%	10,5	1,4	14%
TPB	1.738	8,6	94	16.500	17.800	13,7%	5,8%	7,0	1,1	17%
VCB	17.987	9,5	1.581	56.700	69.300	23,0%	0,8%	13,5	2,1	17%
VIB	2.275	5,2	0	17.600	23.600	37,6%	3,5%	7,9	1,3	18%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.434	28,8	472	28.000	37.100	34,3%	1,8%	10,8	1,4	14%
Dệt may										
MSH	142	0,5	63	33.150	40.600	34,5%	12,1%	6,4	1,7	28%
TCM	115	1,4	2	27.150	29.800	11,4%	1,7%	11,8	1,3	11%
Khu công nghiệp										
BCM	2.472	0,6	784	62.900	68.600	10,7%	1,6%	17,8	3,0	18%
GMD	950	4,8	64	58.700	72.000	26,1%	3,4%	19,2	2,0	12%
HAH	373	4,9	85	58.200	55.400	-3,5%	1,3%	8,4	2,3	31%
VSC	284	9,6	134	20.000	19.100	-2,0%	2,5%	16,5	1,4	9%
IDC	532	3,2	201	36.900	45.600	27,6%	4,1%	7,6	2,1	31%
KBC	1.208	7,0	469	33.800	30.000	-10,1%	1,1%	18,0	1,3	7%
PHR	296	0,4	104	57.600	68.400	21,1%	2,3%	11,7	1,9	17%
VTP	468	2,7	207	101.200	129.200	28,7%	1,1%	41,8	7,1	18%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	1.161	7,4	446	80.500	128.300	63,1%	3,7%	10,3	2,0	20%
HPG	7.693	40,3	2.249	26.400	30.000	14,7%	1,1%	14,1	1,6	12%
Dầu khí										
BSR	2.899	5,8	1.401	15.250	16.700	12,4%	2,8%	36,9	1,3	4%
GAS	5.762	1,8	2.718	62.900	78.400	27,9%	3,2%	12,5	2,3	20%
OIL	420	0,3	25	10.700	14.800	40,7%	2,3%	33,9	1,1	3%
PLX	1.671	2,1	84	34.650	47.700	41,1%	3,5%	17,7	1,7	10%
PVD	570	6,9	228	27.000	27.850	12,4%	9,3%	16,6	0,9	6%
PVS	629	5,5	226	32.400	44.800	40,3%	2,0%	11,4	1,2	11%
PVT	327	2,3	130	18.350	23.400	28,8%	1,2%	8,8	1,0	12%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	574	3,5	267	22.250	23.300	8,6%	3,9%	19,5	1,4	7%
DCM	645	3,0	293	32.100	40.000	30,8%	6,2%	9,8	1,6	17%
DDV	139	1,3	64	25.000	39.700	62,4%	3,6%	21,7	2,1	10%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	75	0,2	36	24.600	34.800	43,5%	2,0%	16,7	1,5	9%
Điện										
POW	1.433	4,1	656	12.300	17.600	44,4%	1,3%	18,3	1,0	6%
Điện và BĐS										
HDG	405	4,5	118	28.800	37.400	31,3%	1,4%	30,7	1,6	5%
PC1	344	2,3	128	22.000	30.500			18,1	1,5	9%
REE	1.273	1,1	0	61.900	76.600	25,2%	1,4%	13,0	1,6	13%
Bất động sản										
DXG	712	16,4	222	16.850	18.300	20,5%	11,9%	41,3	1,4	3%
KDH	1.351	8,3	301	31.700	41.800	32,8%	0,9%	39,7	2,0	5%
NLG	576	3,9	28	31.250	42.200	36,5%	1,5%	16,2	1,3	9%
VHM	14.799	24,5	6.094	94.900	93.600			14,9	1,8	13%
VRE	2.562	15,4	896	29.700	32.000	11,3%	3,5%	13,9	1,5	11%
Công nghệ										
FPT	6.202	33,8	615	95.900	118.200	24,3%	1,0%	18,2	4,6	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA